



Số PKQ: 01217/2026/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 26.0302.BT1
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP
THÀNH THÀNH CÔNG**
Địa chỉ : Kp. An Hội, P.Trảng Bàng, T.Tây Ninh
Vị trí lấy mẫu : 26.0302.BT1: Bùn thải nhà máy cấp nước
X:1219720; Y:589657

Ngày lấy mẫu : 23/01/2026

Loại mẫu : Bùn thải

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 50:2013/BTNMT
				26.0302.BT1	Ngưỡng hàm lượng tuyệt đối Htc (ppm)
1	Asen (As) ^(b)	mg/kg (ppm)	US EPA 3050B US EPA 7010	KPH (LOD=0,200)	32,02
2	Bari (Ba) ^(b)	mg/kg (ppm)	US EPA 3050B US EPA 7010	KPH (LOD=0,600)	1.601
3	Bạc (Ag) ^(b)	mg/kg (ppm)	US EPA 3050B US EPA 7000B	KPH (LOD=2,00)	80,05
4	Cadimi (Cd) ^(b)	mg/kg (ppm)	US EPA 3050B US EPA 7010	KPH (LOD=0,010)	8,005
5	Chì (Pb) ^(b)	mg/kg (ppm)	US EPA 3050B US EPA 7000B	KPH (LOD=12,00)	240,15
6	Coban (Co) ^(b)	mg/kg (ppm)	US EPA 3050B US EPA 7000B	KPH (LOD=0,300)	1.280,8
7	Kẽm (Zn) ^(b)	mg/kg (ppm)	US EPA 3050B US EPA 7000B	21,26	4.002,5
8	Niken (Ni) ^(b)	mg/kg (ppm)	US EPA 3050B US EPA 7000B	10,22	1.120,7
9	Selen (Se) ^(b)	mg/kg (ppm)	US EPA 3050B US EPA 7010	KPH (LOD=0,2)	16,01
10	Thủy ngân (Hg) ^(b)	mg/kg (ppm)	US EPA 7471B	KPH (LOD=0,300)	3,202
11	Crom VI (Cr ⁶⁺) ^(b)	mg/kg (ppm)	US EPA 3060A US EPA 7196A	KPH (LOD=1,80)	80,05
12	Phenol ^(b)	mg/kg (ppm)	US EPA 3540C US EPA 3630C US EPA 8270E	KPH (LOD=0,25)	16.010
13	Tổng Dầu ^(b)	mg/L	TCVN 9239:2012 US EPA 1664B	KPH (LOD=3)	50 ⁽¹⁾
14	CN ^(b)	mg/kg (ppm)	US EPA 9013A US EPA 9010C US EPA 9014	KPH (LOD=0,300)	472,295
15	Benzen ^(b)	mg/kg (ppm)	US EPA 5021A US EPA 8260D	KPH (LOD=0,7)	8,005
16	Clobenzen ^(b)	mg/kg (ppm)	US EPA 5021A US EPA 8260D	KPH (LOD=0,9)	1.120,7
17	Toluen ^(b)	mg/kg (ppm)	US EPA 5021A US EPA 8260D	KPH (LOD=1,4)	16.010





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Đồng Hòa, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 50:2013/BTNMT
				26.0302.BT1	Ngưỡng hàm lượng tuyệt đối Htc (ppm)
18	Naphthalene ^(b)	mg/kg (ppm)	US EPA 3540C US EPA 3630C US EPA 8270E	KPH (LOD=0,01)	800,5
19	Clodan ^(b)	mg/kg (ppm)	-	-	0,4803
	Cis-Clodan ^(b)	mg/kg (ppm)	US EPA 3540C US EPA 3620C US EPA 8270E	KPH (LOD=0,02)	-
	Trans-Clodan ^(b)	mg/kg (ppm)	US EPA 3540C US EPA 3620C US EPA 8270E	KPH (LOD=0,02)	-
20	γ -HCH (Lindan) ^(b)	mg/kg (ppm)	US EPA 3540C US EPA 3620C US EPA 8270E	KPH (LOD=0,02)	4,803
21	Metoxyclo ^(b)	mg/kg (ppm)	US EPA 3540C US EPA 3620C US EPA 8270E	KPH (LOD=0,02)	160,1
22	Endrin ^(b)	mg/kg (ppm)	US EPA 3540C US EPA 3620C US EPA 8270E	KPH (LOD=0,02)	0,3202
23	Heptaclo ^(b)	mg/kg (ppm)	US EPA 3540C US EPA 3620C US EPA 8270E	KPH (LOD=0,02)	0,1601
24	Methyl parathion ^(b)	mg/kg (ppm)	US EPA 3540C US EPA 3620C US EPA 8270E	KPH (LOD=0,02)	16,01
25	Parathion ^(b)	mg/kg (ppm)	US EPA 3540C US EPA 3620C US EPA 8270E	KPH (LOD=0,02)	320,2
26	2,4-Diclophenoxy axeticaxit (2,4-D) ^(d)	mg/kg (ppm)	US EPA 3550C +US EPA 3650B +US EPA 8321B	KPH (LOD=0,05)	80,05

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 26 do VIMCERTS 078 thực hiện;
- QCVN 50:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước
- Ngưỡng hàm lượng tuyệt đối Htc (ppm): T = 0,79, ⁽¹⁾: ngưỡng nồng độ ngâm chiết Ctc(mg/L);
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 02 năm 2026

Phụ trách kỹ thuật

KS. Trần Thị Phương Linh

Trưởng phòng PTN

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiền